

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG
TỈNH B PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 34 /2025/HNGĐ-ST
Ngày: 26-6-2025
V/v “TrAh chấp ly hôn”

**NHÂN DẠH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG, TỈNH B PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Uyên

2. Ông Nguyễn Duy Khải

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ah Đào – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh B Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh B Phước tham gia phiên tòa: Ông Nông QuAg Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 06/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2025 về việc “TrAh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Hàn Thị T, sinh năm 1989. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 1, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước.

2. *Bị đơn:* Ông Hà Văn N, sinh năm 1988. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 1, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Nguyên đơn bà Hàn Thị T trình bày:*

- Về quA hệ hôn nhân: Bà và ông Hà Văn N tự nguyện xây dựng gia đình với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy bA nhân dân xã L, huyện Phú Riềng ngày 26/6/2013.

Sau khi kết hôn, cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu Tăn do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quA điểm với nhau, thường xuyên cãi nhau. Ông N không lo làm ăn, không đưa tiền cho bà, không lo lắng cho vợ con và nuôi dạy con cái mà còn gây ra nợ nần làm bà phải đi vay mượn tiền trả cho cho ông N. Ngoài ra, ông N còn nghiện rượu, thường xuyên nhậu nhẹt, không chăm lo cho gia đình con cái, sống vô tâm, vô trách nhiệm với gia đình. Bà đã đưa 2 con chuyển ra ngoài Tê nhà ở từ tháng 9/2024 đến nay. Trong thời giA ly thân, bà có nói

chuyện với ông N qua điện thoại, khuyên bảo ông N thay đổi nhưng ông N không chịu thay đổi. Bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông N.

- *Về con chung*: Bà và ông N có 02 con chung là cháu Hà Lạc A – sinh ngày 18/9/2013 và cháu Hà Trọng K – sinh ngày 15/10/2016.

Từ khi vợ chồng sống ly thân nhau đến nay, các con chung ở với bà. Bà đề nghị Toà án giao cả 2 con chung cho bà nuôi dưỡng và yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi 2 con chung 03 triệu đồng/tháng/cả hai con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà và ông N tự thoả Tận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

*** Bị đơn ông Hà Văn N trình bày:**

- *Về qua hệ hôn nhân*: Ông và bà T xây dựng gia đình với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Phú Riềng. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến khoảng tháng 7 năm 2024 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn và bất đồng qua đời sống. Bà T đã bỏ nhà đi từ tháng 7/2024 đến nay. Bà T yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với ông, ông đồng ý ly hôn.

- *Về con chung*: Ông và bà T có 02 con chung là cháu Hà Lạc A – sinh ngày 18/9/2013 và cháu Hà Trọng K – sinh ngày 15/10/2016.

Cả 2 con chung hiện đều sống với bà T. Nếu Toà án giải quyết cho ông và bà T ly hôn, ông đồng ý để bà T trực tiếp nuôi dưỡng cả 2 con chung và đồng ý cấp dưỡng 03 triệu đồng/tháng/2 con chung cho đến khi các cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Ông và bà T không có tài sản chung.

*** Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa:**

- *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án*: Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị HĐXX tuyên:

Về qua hệ hôn nhân: Xử cho bà Hàn Thị T được ly hôn với ông Hà Văn N.

Về con chung: Giao bà T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Hà Lạc A – sinh ngày 18/9/2013 và cháu Hà Trọng K – sinh ngày 15/10/2016 cho đến khi các cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng/con chung cho đến khi các con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và đề nghị của vị Đại diện viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

I. *Tố tụng*: Đây là vụ án ly hôn do nguyên đơn bà Hàn Thị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Hà Văn N. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn ông N cư trú tại thôn 1, xã L, huyện Phú Riềng, tỉnh B Phước nên vụ án Tộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh B Phước.

Sự vắng mặt của các đương sự: Bà T và ông N đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

II. Nội dung:

[1]. Về quA hệ hôn nhân:

Bà T và ông N tự nguyện xây dựng gia đình với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy bA nhân dân xã L, huyện Phú Riềng, tỉnh B Phước ngày 26/6/2013. Việc kết hôn là đúng quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Bà T có nguyện vọng muốn ly hôn với ông N vì mâu Tẫn vợ chồng đã quá trầm trọng không thể hàn gắn, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 7/2024 đến nay. Ông N có lời khai thừa nhận từ tháng 7/2024, vợ chồng ông nảy sinh nhiều mâu Tẫn và bất đồng quaA điểm sống, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 7/2024 đến nay. Ông N đồng ý ly hôn tuy nhiên ông N có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt nên Toà án không thể tiến hành được thủ tục hoà giải theo quy định pháp luật. Căn cứ lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định mâu Tẫn vợ chồng giữa bà T và ông N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông N là hoàn toàn có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Bà T và ông N có 02 con chung là cháu Hà Lạc A – sinh ngày 18/9/2013 và cháu Hà Trọng K – sinh ngày 15/10/2016. Bà T và ông N đều có lời khai thống N bà T trực tiếp nuôi dưỡng cả 2 con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thoả Tận của các đương sự.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự đều có lời khai thống N ông N cấp dưỡng 03 triệu đồng/tháng/ 2 con cho đến khi các con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Xét thấy, thoả Tận của các đương sự là phù hợp quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy bA thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hàn Thị T.

Về quA hệ hôn nhân: Xử cho bà Hàn Thị T được ly hôn với ông Hà Văn N. QuA hệ hôn nhân của bà T và ông N chấm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Hà Lạc A – sinh ngày 18/9/2013 và cháu Hà Trọng K – sinh ngày 15/10/2016 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng/cháu. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, các bên có quyền qua lại thăm nom con chung, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2/ Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Hàn Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai T tiền tạm ứng án phí số 0011648 ngày 06/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Riềng, tỉnh B Phước. Bà T đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND H. Phú Riềng;
- TAD tỉnh B Phước;
- Chi cục THADS H. Phú Riềng;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án. (10)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Hải